

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 324/2019/HS-ST

Ngày: 26-11-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

Ông Nguyễn Văn Quỳ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân T phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 321/2019/TLST-HS ngày 08-11-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2019/QĐXXST-HS ngày 13-11-2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Ngô xuân T, sinh năm 1993 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn O và bà Nguyễn Thị Q; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 27-10-2017 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (ra trại ngày 28-3-2018); tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15-9-2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 16 N, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; tạm trú: Số nhà 08/01/362 đường T, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh D, sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 16, tổ dân phố số 01, phường H, quận H, thành phố

Hà Nội; tạm trú: Số nhà 169 Lê Lợi, phường H, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (anh D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô xuân T và anh Nguyễn Mạnh T có mối quan hệ quen biết. Từ tháng 7-2019 anh T cho T ở cùng tại địa chỉ 08/01/362 đường T, phường M, thành phố N. Khoảng 11 giờ ngày 26-8-2019, T ngủ dậy và ở dưới tầng 01, anh T và bạn gái là chị Trần Thị N (sinh năm 1989, trú tại số nhà 31/52 ngõ D, phường Q, thành phố N) đang ngủ ở trên gác xép. Trước đó 02 ngày T nhìn thấy anh T có đề đăng ký xe máy Wave biển kiểm soát B1-44320 trên tủ thuốc treo dưới tầng 01 nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy của anh T. Để kiểm tra xem anh T và chị N còn ngủ không, T liền gọi vọng lên “anh ơi đưa em tiền em đi mua nước rửa bát” thì chị N từ trên gác xép thả 50.000 đồng xuống rồi đi ngủ tiếp. Thấy vậy T tiến đến tủ thuốc lấy chiếc đăng ký xe máy Wave biển kiểm soát B1-44320 mang tên Trần Thị Kim H, địa chỉ 184 đường H, thành phố N rồi ra sân trước nhà trọ dắt chiếc xe Wave biển kiểm soát B1-44320 ra ngoài nổ máy tẩu thoát (do ổ khóa chiếc xe bị hỏng nên không cần chìa khóa). T điều khiển xe máy đi đến huyện T, thành phố B vào nhà bạn tên Thắng (không rõ tên, địa chỉ) để chơi. Đến ngày 04-9-2019 T rủ Thắng cùng đi đến thành phố Hà Nội chơi, sau đó T điều khiển xe đến cửa hàng mua bán xe máy địa chỉ 169 Lê Lợi, phường H, quận H, thành phố Hà Nội nói dối anh D (sinh năm 1971, chủ cửa hàng) xe của chị gái không còn nhu cầu sử dụng nên muốn bán. Cả hai thoả thuận giá là 10.000.000 đồng, quá trình mua bán T có viết 01 giấy biên nhận bán xe cho anh D. Số tiền trên T tiêu xài cá nhân hết.

Từ ngày 26-8-2019 sau khi không thấy T về, anh T nhiều lần gọi điện nhưng T không nghe máy, đến ngày 09-9-2019 T nhắn tin cho anh T với nội dung “em xin lỗi anh, cho em xin một tuần nữa em lấy xe về trả anh”. Đến ngày 12-9-2019 anh T đến nhà T tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định thấy T ở nhà nên đã đưa T đến Công an phường M trình báo sự việc.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N xác định: Anh D sau khi mua xe của T đã bán lại chiếc xe biển kiểm soát B1-44320 có giấy đăng ký xe cho anh Lê Đình T (sinh năm 1972, trú tại số 1048, tổ 4, Quốc lộ 6A, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội). Anh T tự nguyện giao nộp chiếc xe biển kiểm soát B1-44320 cùng giấy đăng ký xe mang tên Trần Thị Kim H

(địa chỉ 184 H, thành phố N); anh D tự nguyện giao nộp 01 giấy bán xe mà T viết khi bán chiếc xe trên cho anh.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự đã định giá chiếc xe máy Honda Wave biển kiểm soát B1-44320 có trị giá 12.000.000 đồng. Sau đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Nguyễn Mạnh T, anh T đã nhận lại chiếc xe và không có đề nghị gì. Anh D yêu cầu T trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà anh D bỏ ra mua xe, hiện T chưa trả lại số tiền trên.

Bản Cáo trạng số 322/CT-VKSTPNĐ ngày 08-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Ngô xuân T về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Ngô xuân T xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình và khai vào khoảng 11 giờ ngày 26-8-2019 lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Mạnh T chiếc xe máy Honda Wave biển kiểm soát B1-44320 và thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Ngô xuân T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Ngô xuân T phạm tội “trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Ngô xuân T từ 18 (mười tám) tháng đến 21 (hai một) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 30, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Buộc bị cáo trả lại cho anh D số tiền 10.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Ngô xuân T có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đơn trình báo và lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; lời khai của những người làm chứng nên đã có đủ cơ sở kết luận khoảng 11 giờ 00 phút ngày 26-8-2019, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Mạnh T chiếc xe máy Wave Honda biển kiểm soát B1-44320 có trị giá 12.000.000 đồng tại khu vực phường M, thành phố N. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố N; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị 12.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản”. Việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ngô xuân T có một tiền án về tội “trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 quy định: “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy bị cáo có

hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Mạnh T đã nhận lại chiếc xe Hoda Wave biển kiểm soát B1-44320 và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Anh D yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà anh D bỏ ra mua xe. Căn cứ Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh D là có căn cứ hợp pháp nên buộc bị cáo Ngô xuân T trả lại cho anh D số tiền 10.000.000 đồng.

[6] Về án phí:

- Án phí hình sự: Bị cáo Ngô xuân T bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự: Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp án phí dân sự tương ứng với số tiền phải trả cho anh D, cụ thể $10.000.000 \text{ đồng} \times 5 \% = 500.000 \text{ đồng}$ (năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 30, Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Ngô xuân T phạm tội “trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Ngô xuân T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ngô xuân T trả lại cho anh D số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Ngô xuân T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Ngô xuân T phải nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Ngô xuân T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là Nguyễn Mạnh T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh D có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên